

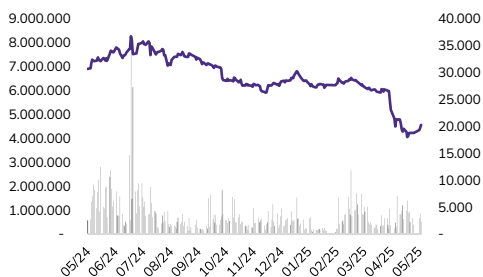
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Ngày                  | : Săm lốp       |
| Ngày báo cáo          | : 08/05/2025    |
| Giá hiện tại (VND/CP) | : <b>21.000</b> |
| Vốn hóa (Tỷ VND)      | : 2.495         |
| SLCPĐLH (CP)          | : 118.792.650   |

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu             | 2023A  | 2024A  |
|----------------------|--------|--------|
| Tăng trưởng DTT (%)  | -8,2%  | 4,0%   |
| Tăng trưởng LNST (%) | -19,8% | -6,0%  |
| Biên LNG (%)         | 14,4%  | 15,6%  |
| Biên LNST (%)        | 5,5%   | 5,0%   |
| ROA (%)              | 7,2%   | 6,1%   |
| ROE (%)              | 13,1%  | 12,3%  |
| Nợ vay/VCSH (lần)    | 0,32   | 0,50   |
| EPS (VND/CP)         | 2.074  | 1.950  |
| BVPS (VND/CP)        | 15.582 | 16.122 |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Triển vọng kinh doanh 2025 gặp nhiều thách thức

## Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025

- ✓ **Lợi nhuận kinh doanh năm 2024 giảm sút**
  - ✓ Năm 2024, DRC ghi nhận tổng doanh thu đạt 4.852 tỷ đồng (+4% svck), trong đó doanh thu thuần đạt 4.673 tỷ đồng (+3,9% svck). Lợi nhuận gộp đạt 729 tỷ đồng (+12,4% svck) với biên lợi nhuận gộp cải thiện tích cực lên 15,6% (+1,2 điểm phần trăm svck).
  - ✓ Đáng lưu ý, doanh thu xuất khẩu năm 2024 đạt 2.971 tỷ đồng (-2,0% svck), chiếm tỷ trọng chủ đạo 63,6% cơ cấu doanh thu năm 2024. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường châu Mỹ ở mức cao, chiếm 47,84% tổng doanh thu; thị trường châu Á và thị trường châu Phi chiếm lần lượt 9,8% và 3,7% tổng doanh thu.
  - ✓ Xét theo sản phẩm, doanh thu từ bán săm lốp, yếm ô tô đạt 4.185 đồng (+4,9% svck), chiếm 86,3% tổng doanh thu. Doanh thu từ săm lốp xe máy là 391 tỷ đồng (+7,2% svck); từ săm lốp xe đạp là 261 tỷ đồng (-10,8% svck).
  - ✓ Doanh thu tài chính tăng 26,8% svck lên 69 tỷ đồng. Chi phí tài chính tăng 15,9% lên 66 tỷ đồng.
  - ✓ Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên 443 tỷ đồng (+30,3% svck), chủ yếu do gia tăng chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ mục đích mở rộng thị trường, làm suy giảm lợi nhuận.
  - ✓ Lợi nhuận sau thuế (LNST) của cổ đông Công ty mẹ theo đó giảm xuống 232 tỷ đồng (-5,9% svck). Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm LNST là do i) Giá cao su tự nhiên và cao su tổng hợp tăng mạnh lần lượt là 27% và 19% svck và ii) Cạnh tranh gia tăng gay gắt ở thị trường nội địa và xuất khẩu, đặt thách thức lớn cho doanh nghiệp trong việc duy trì thị phần. Với kết quả như trên, Công ty hoàn thành được 90% kế hoạch doanh thu và 101% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.
- ✓ **KQKD Q1/2025 kém khả quan do giá nguyên liệu tăng cao.** Doanh thu đạt 1.179 tỷ đồng (+21,2% svck), tuy nhiên lợi nhuận gộp giảm mạnh còn 131 tỷ đồng (-19,3% svck) do giá cao su tự nhiên tăng mạnh so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận ròng giảm mạnh về 11,1% (-5,6 điểm phần trăm svck). Trong khi đó, hoạt động tài chính lỗ ròng do chi phí tài chính tăng mạnh lên 17 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ. Chi phí bán hàng tăng lên 93 tỷ đồng (+6,5% svck) và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ còn 18 tỷ đồng (-2,7% svck). Kết quả LNST của cổ đông Công ty mẹ trong Q1/2025 kém khả quan, giảm sút mạnh còn 9 tỷ đồng (-80,8% svck). Mặc dù doanh thu tăng, nhưng lợi nhuận sau thuế sụt giảm đáng kể là do giá cao su thiên nhiên tăng mạnh 25–30% so với cùng kỳ, trong khi áp lực cạnh tranh gay gắt khiến Công ty chưa thể điều chỉnh giá bán tương ứng để bù đắp chi phí đầu vào tăng cao.

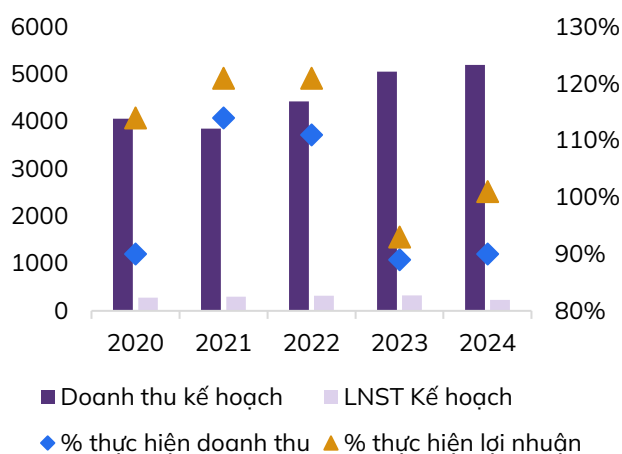
## KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DRC Q4/2024 & NĂM 2024

| BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)  | 4Q23  | 4Q24  | %YoY   | 2023  | 2024  | %YoY  |
|-----------------------------------|-------|-------|--------|-------|-------|-------|
| Doanh thu thuần                   | 1.097 | 1.118 | 1,9%   | 4.496 | 4.673 | 3,9%  |
| Lợi nhuận gộp                     | 202   | 141   | -30,1% | 649   | 729   | 12,4% |
| Biên lợi nhuận gộp (%)            | 18,4% | 12,6% |        | 14,4% | 15,6% |       |
| Chi phí BH & QLDN                 | (85)  | (81)  | -4,5%  | (340) | (443) | 30,3% |
| Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT       | -7,7% | -7,3% |        | -7,6% | -9,5% |       |
| Doanh thu tài chính               | 16    | 32    | 93,8%  | 55    | 70    | 26,8% |
| Chi phí tài chính                 | (11)  | (18)  | 64,9%  | (57)  | (66)  | 15,9% |
| Chi phí lãi vay                   | (3)   | (7)   | 114,8% | (21)  | (21)  | 1,2%  |
| Lợi nhuận từ HĐKD                 | 122   | 73    | -40,1% | 307   | 291   | -5,3% |
| Lợi nhuận trước thuế              | 122   | 73    | -39,8% | 307   | 289   | -5,9% |
| LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số | 96    | 59    | -38,3% | 246   | 232   | -5,9% |
| Biên lợi nhuận ròng (%)           | 8,7%  | 5,3%  |        | 5,5%  | 5,0%  |       |

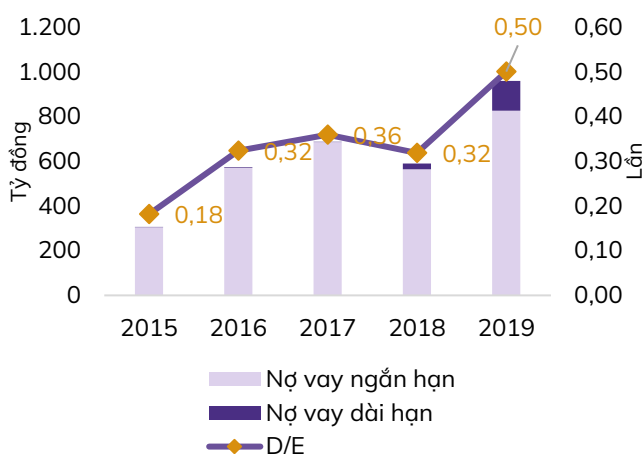
Nguồn: DRC, ABS Research

- **Kế hoạch kinh doanh 2025 thận trọng, tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu:**
  - ✓ **Về kế hoạch kinh doanh:** ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch doanh thu năm 2025 là 4.880 tỷ đồng (+4% svck), trong đó kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 132,2 triệu USD (+9% svck). Lợi nhuận trước thuế năm 2025 dự kiến giảm nhẹ đạt 285 tỷ đồng (-1% svck).
  - ✓ **Về kế hoạch sản lượng,** DRC đặt kế hoạch sản lượng tiêu thụ năm 2025 tăng trưởng ở hầu khắp các nhóm sản phẩm, trong đó: sản lượng tiêu thụ lốp Radial dự kiến đạt 800 nghìn chiếc (+8% svck), lốp Bias dự kiến đạt 445 nghìn chiếc (+1% svck) và đặc biệt là dòng lốp bán thép dự kiến đạt 700 nghìn chiếc (+197% svck).
  - ✓ **Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024,** DRC thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 với tỷ lệ là 11% (trong đó Công ty đã tạm ứng đợt 1/2024 với tỷ lệ 5%). Ngoài ra, Công ty cũng thông qua việc trích 30% vào Quỹ đầu tư phát triển, 5% vào quỹ khen thưởng và 5% quỹ phúc lợi.
  - ✓ **Về phương án chia cổ tức năm 2025,** ĐHĐCĐ thông qua phương án chia cổ tức phù hợp với tình hình sản xuất của công ty trong năm.
  - ✓ **Phương án tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.** ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 30%/mệnh giá. Tổng giá trị phát hành dự kiến là 356 tỷ đồng, nâng mức vốn điều lệ của công ty lên 1.544 tỷ đồng, dự kiến thực hiện trong Q3 hoặc Q4/2025.

Kế hoạch và mức độ hoàn thành kế hoạch doanh thu lợi nhuận hàng năm của DRC



Quy mô nợ vay và tỷ lệ D/E



Nguồn: DRC, FiinPro, ABS Research

### Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 của DRC

| Chỉ tiêu (tỷ đồng)              | TH 2024 | KH 2025 | %YOY  |
|---------------------------------|---------|---------|-------|
| Tổng doanh thu                  | 4.673   | 4.880   | +4,4% |
| LNTT                            | 289     | 285     | -1,4% |
| Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD) | 121,7   | 132,2   | +8,6% |

Nguồn: DRC, ABS Research

### Chỉ tiêu sản lượng chính năm 2025

| Sản phẩm (nghìn chiếc)     | Thực hiện 2024 | % 2024/2023 | Kế hoạch 2025 | %2025/2024 |
|----------------------------|----------------|-------------|---------------|------------|
| Lốp Radial                 | 738            | 101%        | 800           | 108%       |
| Lốp Bias                   | 441            | 120%        | 445           | 101%       |
| Lốp bán thép (LTR/PCR/STR) | 355            | 170%        | 700           | 197%       |

Nguồn: DRC, ABS Research

- **Tóm tắt một số thảo luận quan trọng cùng Cổ đông:**
- ✓ **Kế hoạch kinh doanh năm 2025 bao gồm đẩy mạnh tiêu thụ nội địa và mở rộng thị trường.** Theo ban lãnh đạo Công ty, về sản phẩm LTR, lốp PCT đã được tiêu thụ một thời gian được đánh giá cao. Do đó, trong năm 2025, Công ty sẽ phát triển thương hiệu DriveForce và đẩy mạnh tiêu thụ nội địa với kế hoạch sản phẩm LTR tăng trưởng gấp đôi. Công ty có sự đa dạng về sản phẩm và sẽ lựa chọn những dòng sản phẩm thể mạnh để phát triển như lốp Bias. Ngoài ra cũng sẽ phát triển thêm dòng tải nhẹ, lốp Golf, lốp nông nghiệp. Dòng lốp TBR gặp khó khi chính sách thuế quan thị trường Mỹ biến động mạnh sẽ được hướng qua tiêu thụ tại các thị trường khác như Châu Phi, Châu Âu, Trung Đông, Châu Á, v.v.
- ✓ **Ảnh hưởng bởi hàng rào thuế quan là không nhỏ, doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn, thách thức.** Hiện nay tỷ lệ doanh thu tiêu thụ ở Mỹ và Brazil chiếm khoảng 65-70% và Ai Cập là 10%. Khi Mỹ áp thuế đối ứng, khả năng cao nhất doanh nghiệp phải chịu 25% mức sụt giảm doanh thu và 30% sản lượng của nhà máy Radial. Để lấp được sự thiếu hụt đó và giải quyết bài toán sản lượng, Công ty sẽ đẩy mạnh các thị trường khác. Tuy nhiên, trước đây do Công ty tận dụng được chính sách thuế quan của Mỹ và Trung Quốc nên giá bán tốt. Với tình hình cạnh tranh như hiện tại, hiệu quả kinh doanh dự kiến sẽ không tích cực như trước.
- ✓ **Nhà máy Radial có thể chạy hết công suất.** Nhà máy hiện đang chạy ở 85% công suất, trong Q1/2025 đã sản xuất được 207.000 lốp. Trong năm 2025, Công ty có thể đạt được công suất 800.000 lốp, thậm chí là hết công suất.
- ✓ **Hợp tác với Vinfast theo chủ trương của Tập đoàn, xu hướng lốp xe điện ngày càng trở nên tất yếu.** Hợp tác với Vinfast là chủ trương của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam giao cho các công ty con trong đó có DRC. Công ty đang chuyển qua giai đoạn đáp ứng bước đầu các yêu cầu của Vinfast và đồng thời đang tự phát triển dòng sản phẩm lốp xe điện để triển khai bán thương mại trong tháng 6/2025.
- ✓ **Hàng tồn kho, phải thu và nợ phải trả tăng mạnh do cạnh tranh khốc liệt.** Theo giải thích từ Công ty, lượng hàng tồn kho tăng do (1) Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao và thời gian vận chuyển xuất khẩu kéo dài; (2) Đa dạng hóa sản xuất. Ngoài ra, để cạnh tranh, Công ty tăng thêm thời gian thanh toán và yêu cầu nhà cung cấp đồng hành giãn tiến độ thanh toán cho công ty. Mặt khác, Công ty dùng vốn tự có đối ứng trong đầu tư dự án thay vì vốn vay lưu động như trước đây, làm cho các chỉ tiêu tăng trong báo cáo tài chính.

### Đánh giá của ABS Research

- Chúng tôi cho rằng kế hoạch kinh doanh mà DRC đưa ra năm 2025 là khá tham vọng trong bối cảnh DN phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:

- ✓ **Bị ảnh hưởng tiêu cực bởi chính sách thuế đối ứng của Mỹ.** Mỹ hiện là một trong 2 thị trường trọng điểm của DRC bên cạnh Brazil, do đó chính sách thuế quan của Mỹ sẽ tác động không nhỏ đến doanh thu của Công ty. Việc giá bán sản phẩm tăng lên sẽ làm giảm sức cạnh tranh của các dòng sản phẩm tại thị trường này. Hiện tại, do chưa có kết luận chính thức từ phía Mỹ về chính sách thuế quan, chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi diễn biến đàm phán và đánh giá mức độ tác động trong các báo cáo tiếp theo.
- ✓ **Giá nguyên liệu đầu vào cao.** Giá cao su tự nhiên mặc dù đã có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, gia tăng chi phí giá vốn của Công ty. Hiện nay diện tích cao su thiên nhiên ngày càng thu hẹp do các công trình đầu tư như sân bay, đường cao tốc nên sản lượng khó tăng, giá cao su thiên nhiên nếu có giảm cũng chỉ có thể suy giảm biên độ nhỏ. Tuy nhiên, một yếu tố hỗ trợ là giá cao su tổng hợp có thể kỳ vọng giảm do triển vọng giá dầu suy yếu khi OPEC+ tăng sản lượng và tác động từ chính sách thuế quan của Mỹ có thể ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế thế giới, từ đó làm giảm nhu cầu tiêu thụ dầu.
- ✓ Ngoài ra, việc điều hướng sang các thị trường khác sẽ mất thời gian và tốn nhiều chi phí mở rộng thị trường. Mặc dù các tác động từ chính sách thuế mới của Mỹ chưa chính thức phản ánh trong quý này, kết quả kinh doanh vẫn cho thấy dấu hiệu suy yếu, cho thấy triển vọng cả năm kém tích cực.
- ✓ **Tuy nhiên, triển vọng lợi nhuận của DRC có thể được nâng đỡ** khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa vẫn tích cực. Bộ Công Thương dự báo nhu cầu ô tô tại Việt Nam sẽ đạt khoảng 800.000–900.000 xe vào năm 2025, tạo động lực lớn cho ngành sản xuất trong nước phát triển. Về phía DRC, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, DRC đã thực hiện Dự án Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm, dự án có tổng vốn đầu tư là trên 916 tỷ đồng và dự kiến hoàn thành vào Q2/2025.
- Theo kế hoạch LNTT của Công ty năm 2025F dự kiến đạt 285 tỷ đồng (-1,4% svck), EPS & BVPS 2025F dự kiến là 1.476 đồng/cổ phiếu & 13.341 đồng/cổ phiếu, tương ứng P/E & P/B 2025F lần lượt đạt 13,7x & 1,5x tại mức giá hiện tại.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA DRC

| Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)      | 2021         | 2022         | 2023         | 2024         |
|--------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | <b>4.380</b> | <b>4.899</b> | <b>4.495</b> | <b>4.673</b> |
| Giá vốn hàng bán               | (3.632)      | (4.088)      | (3.847)      | (3.944)      |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | <b>747</b>   | <b>811</b>   | <b>649</b>   | <b>729</b>   |
| Doanh thu tài chính            | 37           | 62           | 55           | 70           |
| Chi phí tài chính              | (51)         | (92)         | (57)         | (66)         |
| Chi phí bán hàng               | (303)        | (318)        | (268)        | (348)        |
| Chi phí QLDN                   | (65)         | (77)         | (72)         | (95)         |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>       | <b>365</b>   | <b>385</b>   | <b>307</b>   | <b>291</b>   |
| Lãi/lỗ khác                    | (1)          | (0,3)        | (0,2)        | (1,8)        |
| Lợi nhuận trước thuế           | 364          | 386          | 307          | 289          |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | <b>291</b>   | <b>307</b>   | <b>246</b>   | <b>232</b>   |
| <b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b> | <b>291</b>   | <b>307</b>   | <b>246</b>   | <b>232</b>   |

| Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)                     | 2021        | 2022       | 2023       | 2024         |
|--------------------------------------------|-------------|------------|------------|--------------|
| LCT thuần từ HĐKD                          | (68)        | 28         | 585        | (108)        |
| LCT thuần từ Hoạt động đầu tư              | (173)       | 121        | (126)      | (238)        |
| LCT thuần từ Hoạt động tài chính           | 142         | (83)       | (298)      | 231          |
| <b>LCT thuần trong kỳ</b>                  | <b>(99)</b> | <b>66</b>  | <b>161</b> | <b>(115)</b> |
| Tiền & tương đương tiền đầu kỳ             | 189         | 90         | 155        | 321          |
| <b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b> | <b>90</b>   | <b>155</b> | <b>321</b> | <b>221</b>   |

| Chỉ số tài chính                    | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|-------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| <b>Khả năng thanh toán</b>          |        |        |        |        |
| Khả năng thanh toán hiện hành       | 1,55   | 1,63   | 1,52   | 1,31   |
| Khả năng thanh toán nhanh           | 0,22   | 0,27   | 0,52   | 0,43   |
| Khả năng thanh toán tiền mặt        | 0,07   | 0,10   | 0,21   | 0,10   |
| Khả năng thanh toán lãi vay         | 41     | 22     | 15     | 13     |
| <b>Cơ cấu vốn</b>                   |        |        |        |        |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản         | 0,57   | 0,56   | 0,55   | 0,46   |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản            | 0,43   | 0,44   | 0,45   | 0,54   |
| Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)         | 0,32   | 0,36   | 0,32   | 0,50   |
| <b>Chỉ số hiệu suất hoạt động</b>   |        |        |        |        |
| Số ngày phải thu                    | 13,36  | 16,42  | 26,55  | 42,98  |
| Số ngày phải trả                    | 31,67  | 39,18  | 47,83  | 68,61  |
| Số ngày tồn kho                     | 111,80 | 141,55 | 140,80 | 127,51 |
| <b>Khả năng sinh lời</b>            |        |        |        |        |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp               | 17,1%  | 16,6%  | 14,4%  | 15,6%  |
| Tỷ suất lợi nhuận HĐKD              | 8,3%   | 7,9%   | 6,8%   | 6,2%   |
| Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ | 6,6%   | 6,3%   | 5,5%   | 5,0%   |
| ROE                                 | 16,8%  | 16,7%  | 13,1%  | 12,3%  |
| ROA                                 | 10,4%  | 9,4%   | 7,2%   | 6,1%   |

| Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)       | 2021         | 2022         | 2023         | 2024         |
|--------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 90           | 155          | 321          | 221          |
| + Đầu tư ngắn hạn                    | 320          | 210          | 134          | 45           |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn        | 208          | 257          | 457          | 697          |
| + Hàng tồn kho                       | 1.429        | 1.708        | 1.184        | 1.491        |
| + Tài sản ngắn hạn khác              | 67           | 127          | 196          | 341          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>              | <b>2.114</b> | <b>2.457</b> | <b>2.292</b> | <b>2.794</b> |
| + Các khoản phải thu dài hạn         | 1            | 1            | 0            | 0            |
| + Tài sản cố định                    | 975          | 901          | 939          | 1.213        |
| + Bất động sản đầu tư                | 0            | 0            | 0            | 0            |
| + Tài sản dở dang dài hạn            | 0            | 12           | 106          | 132          |
| + Đầu tư dài hạn                     | 4            | 4            | 5            | 5            |
| + Tài sản dài hạn khác               | 41           | 43           | 42           | 56           |
| <b>Tài sản dài hạn</b>               | <b>1.022</b> | <b>960</b>   | <b>1.092</b> | <b>1.406</b> |

|                                     |              |              |              |              |
|-------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Tổng Tài sản</b>                 | <b>3.136</b> | <b>3.418</b> | <b>3.384</b> | <b>4.200</b> |
| + Vay ngắn hạn                      | 572          | 686          | 565          | 826          |
| + Phải trả người bán                | 406          | 471          | 537          | 946          |
| + Nợ ngắn hạn khác                  | 382          | 349          | 407          | 367          |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>1.360</b> | <b>1.507</b> | <b>1.508</b> | <b>2.139</b> |
| + Vay dài hạn                       | 2            | 1            | 25           | 133          |
| + Các khoản phải trả dài hạn khác   | 0            | 0            | 0            | 13           |
| <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>2</b>     | <b>1</b>     | <b>25</b>    | <b>146</b>   |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>             | <b>1.362</b> | <b>1.508</b> | <b>1.533</b> | <b>2.285</b> |
| + Vốn cổ phần                       | 1.188        | 1.188        | 1.188        | 1.188        |
| + Thặng dư vốn cổ phần              | 0            | 0            | 0            | 0            |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 241          | 318          | 199          | 189          |
| + Quỹ khác                          | 0            | 1            | 0            | 0            |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>1.774</b> | <b>1.910</b> | <b>1.851</b> | <b>1.915</b> |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>          | <b>3.136</b> | <b>3.418</b> | <b>3.384</b> | <b>4.200</b> |

| Tỷ lệ tăng trưởng (%)               | 2021  | 2022  | 2023   | 2024  |
|-------------------------------------|-------|-------|--------|-------|
| Tăng trưởng doanh thu               | 20,1% | 11,9% | -8,2%  | 4,0%  |
| Tăng trưởng LNST                    | 13,6% | 6,1%  | -20,5% | -5,9% |
| Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ | 13,5% | 5,6%  | -19,8% | -6,0% |
| Tăng trưởng EPS                     | 13,5% | 17,4% | -19,8% | -6,0% |
| Tăng trưởng VCSH                    | 0,0%  | 0,0%  | 0,0%   | 0,0%  |
| Tăng trưởng Tổng tài sản            | 29,0% | 9,0%  | -1,0%  | 24,1% |

| Định giá (lần) | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|----------------|--------|--------|--------|--------|
| P/E            | 9,74   | 10,81  | 13,41  | 9,33   |
| P/B            | 1,44   | 1,74   | 1,78   | 1,13   |
| EPS (đồng/cp)  | 2.203  | 2.586  | 2.074  | 1.950  |
| BVPS (đồng/cp) | 14.933 | 16.076 | 15.582 | 16.122 |

Nguồn: FiinPro, ABS Research

# Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

|              |                                                                 |
|--------------|-----------------------------------------------------------------|
| MUA          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên                   |
| KHẢ QUAN     | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%   |
| TRUNG LẬP    | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%   |
| KÉM KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5% |
| BÁN          | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%                    |

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

## Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: [anh.buiminhh@abs.vn](mailto:anh.buiminhh@abs.vn)

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



*Tư hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây